

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng Nga;

Ông Lê Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 06 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Anh T, sinh năm: 1987;

Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm: 1978;

Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Lưu Thị Anh T trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn Phan Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 29/9/2007 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian, đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên ăn nhậu về nhà đánh đập vợ con, không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình. Đầu năm 2022, nguyên đơn đã nộp đơn ly hôn cho Tòa án, nhưng vì suy nghĩ lại, muốn tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nên đã rút đơn, được Tòa án đình chỉ theo quyết định số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022. Từ thời gian đó đến nay, hai bên sống ly thân, bà T chờ xem ông T có thay đổi, để hàn gắn hôn nhân, nhưng tình trạng ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng hơn nên không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 02 con chung tên Phan Quốc T, sinh ngày 16/01/2017 và Phan Quốc T, sinh ngày 06/3/2008, hiện nay các con đều sống chung với cha, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn Phan Văn T tại bản tự khai ngày 09/8/2022 trình bày: Bị đơn đồng ý ly hôn nếu nguyên đơn thống nhất giao 02 con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt ông, ông không đến Tòa để giải quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và trình bày thống nhất việc giao 02 con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lưu Thị Anh T yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Phan Văn T có địa chỉ tại thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lưu Thị Anh T và bị đơn Phan Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/9/2009 tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, giấy chứng nhận số 87, quyển 01, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Lưu Thị Anh T xin ly hôn với bị đơn Phan Văn T: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do bị đơn thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, không có trách nhiệm chăm sóc gia đình, con cái, nhiều lần ăn nhậu về còn đánh đập vợ con. Từ đầu năm 2022, nguyên đơn đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án P, hai vợ chồng đã đến Tòa để giải quyết, nhưng vì muốn tạo cơ hội hàn gắn để chồng thay đổi nên nguyên đơn đã rút đơn về, được Tòa án đình chỉ theo quyết định số

16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022. Từ thời gian đó đến nay, hai vợ chồng sống ly thân và tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn trước.

Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn nhưng đều không chấp hành theo giấy triệu tập và thông báo để đến Tòa làm việc. Theo bản tự khai Tòa án trực tiếp làm việc thì bị đơn trình bày: vì bị đơn không muốn giải quyết việc ly hôn nên không muốn đến Tòa, bị đơn chỉ đồng ý ly hôn nếu nguyên đơn không tranh chấp việc nuôi con chung và đề nghị Tòa xét xử vắng mặt. Bị đơn biết vợ nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng thờ ơ, bỏ mặc, vợ muốn gì muốn, nên không đến Tòa. Cho thấy bị đơn có ý thức từ bỏ mong muốn hàn gắn hôn nhân, từ thời gian ngày 15/3/2022 nguyên đơn Lưu Thị Anh T rút đơn ly hôn về (theo quyết định đình chỉ số 16/2022/QĐST-HNGĐ) thì vợ chồng sống không còn hạnh phúc và mâu thuẫn trầm trọng hơn, cụ thể hai bên sống ly thân cho đến nay.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Từ những viện dẫn nêu trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của bà T, ông T đã lâm vào mâu thuẫn trầm trọng phải sống ly thân, quyền và nghĩa vụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và không chấp nhận việc hòa giải để đoàn tụ. Do đó, HĐXX xét theo Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Phan Quốc T, sinh ngày 16/01/2017 và Phan Quốc T, sinh ngày 06/3/2008; Hiện nay các con đang sống với cha.

Trong thời gian sống ly thân, nguyên đơn Lưu Thị Anh T đã đón cháu nhỏ về nhà cha, mẹ ruột tại thôn X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên để sinh sống nhưng bị đơn cho rằng nguyên đơn đi làm bỏ mặc con cho ông, bà không quan tâm, chăm sóc các con nên đã tự ý đón về sống cùng bị đơn tại thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vì sợ các con đi xa ảnh hưởng học hành và sức khỏe nên nguyên đơn chấp nhận giao các con cho cha trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày thống nhất giao 02 con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Quốc T, phù hợp với lợi ích và trình bày của bị đơn Phan Văn T và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Bị đơn Phan Văn T không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Thị Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lưu Thị Anh T được ly hôn với bị đơn Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Phan Quốc T, sinh ngày 16/01/2017 và Phan Quốc T, sinh ngày 06/3/2008 cho bị đơn Phan Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Lưu Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004044 ngày 23/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- Chi cục THADS huyện P;
 - TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND tỉnh Phú Yên;
 - UBND xã H
- (CNKH số 87 ngày 29/9/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Thu Hiền